

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-6-2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc *“Ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Kim H, sinh năm 2001 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2025 nguyên đơn bà Phan Kim H trình bày: Bà và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau vào năm 2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong lối sống dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi thường xuyên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể chung sống được nữa nên bà yêu

cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Trong quá trình chung sống bà và ông Đ có một người con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2020, con chung hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đối với ông Phạm Văn Đ là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông Đ vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phan Kim H được ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Giao con chung cho bà Phan Kim H trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn Đ, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Kim H là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Phan Kim H. Ông Phạm Văn Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phạm Văn Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Kim H và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 ngày 05 tháng 02 năm 2020. Do đó, hôn nhân của bà Phan Kim H với ông Phạm Văn Đ là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Tòa án đã văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn Đ nhiều lần để tham gia xét xử và hoà giải nhưng ông Đ vắng mặt không tham gia hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Phan Kim H. Bà Phan Kim H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong lối sống dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi thường xuyên và vợ chồng không còn chung sống từ tháng 3 năm 2025 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Phan Kim H với ông

Phạm Văn Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Kim H về việc yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Phan Kim H với ông Phạm Văn Đ có một người con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2020; con chung do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phan Kim H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Phạm Văn Đ nhưng ông Đ không có ý kiến đối với yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà H. Xét thấy, từ khi bà H và ông Đ không còn chung sống đến nay con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Phan Kim H yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Phạm Văn Đ nhưng ông Đ không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà H. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Áp dụng điều luật đã viện dẫn thì bà H yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở. Tuy nhiên, bà H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của ông Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *“Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phan Kim H, buộc ông Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2020 mỗi tháng một nửa tháng lương tối thiểu vùng với số tiền 1.725.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung bà Phan Kim H, ông Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phan Kim H phải chịu 300.000đ, bà Phan Kim H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí. Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Kim H và ông Phạm Văn Đ.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2020 cho bà Phan Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung tên Phạm Minh H1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2020 mỗi tháng 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng), hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phan Kim H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003943 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà H đã nộp đủ án phí.

- Buộc ông Phạm Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều